

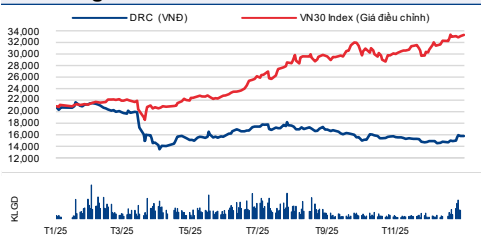
Nắm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ16,000
Tiềm năng tăng/giảm: 1.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (19/1/2026)	15.800
Mã Bloomberg	DRC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	13,487-21,706
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	15,783
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	2,440
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	92.9
Slg CP lưu hành (tr.đv)	154
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	3.55%
Tỷ lệ freefloat	41.7%
Cổ đông lớn	in Hóa chất Việt Nam (50.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	4,673	4,984	5,462
EBITDA đc (tỷ đồng)	285	310	414
LNTT (tỷ đồng)	289	159	238
LNT ĐC (tỷ đồng)	208	115	172
FCF (tỷ đồng)	(108)	307	161
EPS ĐC (đồng)	1,350	743	1,111
DPS (đồng)	1,500	0	500
BVPS (đồng)	12,402	13,227	13,962
T.trưởng EBITDA (%)	(27.7)	8.69	33.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	(6.13)	(45.0)	49.5
Tăng trưởng DPS (%)	25.0	(100)	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	6.11	6.22	7.58
Tỷ suất LNTT (%)	6.18	3.20	4.36
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.96	2.56	3.49
Tỷ lệ LN trả CT (%)	100	0	40.5
Nợ thuần/VCSH (%)	43.2	30.5	28.2
ROAE (%)	12.3	6.44	9.08
ROACE (%)	14.5	8.75	12.7
EV/doanh thu (lần)	0.68	0.59	0.54
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.1	9.56	7.10
P/E ĐC (lần)	11.7	21.3	14.2
P/B (lần)	1.27	1.19	1.13
Lợi suất cổ tức (%)	9.49	0	3.16

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DRC là một trong những doanh nghiệp nội địa sản xuất lốp xe lớn nhất Việt Nam và là thành viên của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Mai Đoàn Ngọc Hân
Chuyên viên cao cấp, Ngành Công
han.mdn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/2025: KQKD kém tích cực, thấp hơn dự báo 13%

- Doanh thu thuần Q4/2025 của DRC đạt 1.213 tỷ đồng (tăng 9% so với cùng kỳ; đúng với dự báo của HSC) trong khi lợi nhuận thuần đạt 40 tỷ đồng, giảm 33% so với cùng kỳ và thấp hơn dự báo của chúng tôi 13%, chủ yếu do chi phí bán hàng & quản lý tăng cao liên quan đến trích lập dự phòng nợ xấu, lẫn áp lực cải thiện của tỷ suất lợi nhuận gộp.
- Trong năm 2025, doanh thu thuần của DRC tăng trưởng 7% đạt 5 nghìn tỷ đồng trong khi lợi nhuận thuần giảm 48% xuống 121 tỷ đồng, bằng lần lượt 100% và 95% dự báo năm 2025 của chúng tôi.
- Công ty đặt mục tiêu LNTT Q1/2026 đạt 24 tỷ đồng (tăng 120% so với cùng kỳ nhưng giảm 54% so với quý trước, so với mức nền thấp), trong bối cảnh còn nhiều lo ngại về những bất ổn trong xuất khẩu. Nếu DRC hoàn thành mục tiêu này, kết quả trên chỉ tương đương 13% dự báo năm 2026 của chúng tôi.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 7% trong 1 tháng qua, DRC đang giao dịch ở mức P/E trượt dự phóng 1 năm là 14,0 lần, so với bình quân quá khứ ở mức 14,8 lần – theo chúng tôi là mức định giá hợp lý. HSC duy trì khuyến nghị Nắm giữ với giá mục tiêu 16.000đ.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025 và mục tiêu Q1/2026

Doanh thu thuần Q4/2025 của DRC đạt 1.213 tỷ đồng (tăng 9% so với cùng kỳ nhưng giảm 2% so với quý trước) trong khi lợi nhuận thuần đạt 40 tỷ đồng (giảm 33% so với cùng kỳ và giảm 1% so với quý trước), thấp hơn dự báo của HSC 13% do chi phí bán hàng & quản lý tăng cao trong kỳ liên quan đến trích lập dự phòng các khoản phải thu xuất khẩu khó đòi, mặc dù tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện nhờ chi phí đầu vào giảm và sản lượng tăng.

Tính chung năm 2025, doanh thu thuần của DRC đạt 5.004 tỷ đồng (tăng trưởng 7%) trong khi lợi nhuận thuần giảm mạnh xuống 121 tỷ đồng (giảm 48%), bằng lần lượt 100% và 95% dự báo năm 2025 của chúng tôi.

Công ty đặt mục tiêu LNTT Q1/2026 đạt 24 tỷ đồng (tăng 120% so với cùng kỳ nhưng giảm 54% so với quý trước) so với mức nền thấp, trong bối cảnh còn nhiều lo ngại về những bất ổn trong xuất khẩu. Nếu DRC hoàn thành mục tiêu này, kết quả trên chỉ tương đương 13% dự báo năm 2026 của chúng tôi và thấp hơn kỳ vọng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 20/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2025, DRC

Lợi nhuận thuần Q4/2025 giảm 33% so với cùng kỳ (và 1% so với quý trước) xuống mức 40 tỷ đồng, sát với ước tính của HSC.

Tỷ đồng	Q4/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	2025	Tăng trưởng	% dự báo của HSC
Doanh thu thuần	1,213	8.5%	-1.8%	5,004	7.1%	100.4%
Lợi nhuận gộp	225	59.6%	35.6%	676	-7.3%	
Lợi nhuận tài chính	-12	-189.1%	161.4%	-24	-744.7%	
Chi phí BH&QL	-161	98.5%	44.7%	-501	13.3%	
LNTT	52	-28.9%	4.0%	151	-47.9%	94.5%
Lợi nhuận thuần	40	-33.3%	-1.4%	121	-47.7%	95.1%
Tỷ suất LNG	18.6%	5.9ppt	5.1ppt	13.5%	-2.1ppt	
Chi phí BH&QL/dt	-13.3%	-6.0ppt	-4.3ppt	-10.0%	-0.6ppt	
Tỷ suất LNTT	4.3%	-2.3ppt	0.2ppt	3.0%	-3.2ppt	
Tỷ suất LNT	3.3%	-2.0ppt	0.0ppt	2.4%	-2.5ppt	

Nguồn: DRC, HSC

Doanh thu được dẫn dắt nhờ nhu cầu trong nước trong khi xuất khẩu kém tích cực

Doanh thu thuần Q4/2025 đạt 1.213 tỷ đồng (tăng 9% so với cùng kỳ nhưng giảm 2% so với quý trước), chủ yếu được thúc đẩy bởi nhu cầu trong nước (tăng 14% so với cùng kỳ và 21% so với quý trước; chiếm 47% tổng doanh thu). Trong khi đó, doanh thu xuất khẩu (chiếm 53% tổng doanh thu) giảm 2% so với cùng kỳ và 14% so với quý trước, phản ánh nhu cầu toàn cầu suy yếu và cạnh tranh gay gắt. Theo từng dòng sản phẩm:

- **Lớp bias** ghi nhận doanh thu tăng 2% so với cùng kỳ và so với quý trước đạt 275 tỷ đồng trong Q4/2025, với 141.647 lốp được tiêu thụ (tăng 13% so với cùng kỳ và 10% so với quý trước). Tính chung năm 2025, doanh thu lớp bias đạt 1.008 tỷ đồng, tăng trưởng 12%.
- **Lớp TBR (lớp radial cho xe tải/xe buýt)** ghi nhận doanh thu tăng 11% so với cùng kỳ (nhưng giảm 4% so với quý trước) đạt 685 tỷ đồng trong Q4/2025, với sản lượng tiêu thụ 183.303 lốp (tăng 13% so với cùng kỳ nhưng giảm 5% so với quý trước). Tính chung năm 2025, doanh thu lớp TBR đạt 2.979 tỷ đồng, tăng trưởng 6%.
- **Lớp PCR (lớp radial xe du lịch/xe con)** ghi nhận doanh thu tăng mạnh 117% so với cùng kỳ nhưng giảm 13% so với quý trước, đạt 50 tỷ đồng trong Q4/2025, với sản lượng tiêu thụ tăng 124% so với cùng kỳ đạt 89.198 lốp (giảm 22% so với quý trước). Tính chung năm 2025, doanh thu lớp PCR đạt 249 tỷ đồng, tăng trưởng 42%.

Theo thị trường, xuất khẩu sang Mỹ giảm 21% so với cùng kỳ và 7% so với quý trước trong Q4/2025, sau giai đoạn nhập trữ hàng trước ghi nhận trong Q3/2025. Thị trường Brazil tăng 10% so với cùng kỳ nhưng giảm mạnh 45% so với quý trước trong Q4/2025, do cạnh tranh từ các doanh nghiệp Trung Quốc tiếp tục gây áp lực lên tăng trưởng doanh thu.

Tính chung năm 2025, thị trường Mỹ tăng trưởng 18% đạt 45 triệu USD và trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của DRC nhờ doanh số lớp PCR và TBR khả quan, qua đó bù đắp cho mức giảm 19% của thị trường Brazil xuống 44 triệu USD.

Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng mạnh nhờ chi phí đầu vào giảm

Trong Q4/2025, tỷ suất lợi nhuận gộp của DRC tăng 5,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ và 5,1 điểm phần trăm so với quý trước, lên 18,6%, từ mức 12,6% trong Q4/2024 và 13,4% trong Q3/2025, chủ yếu nhờ chi phí nguyên vật liệu bình quân giảm 5% so với cùng kỳ và 4% so với quý trước. Nhờ đó, tỷ suất lợi nhuận gộp của các dòng sản phẩm chủ lực đều cải thiện trong Q4/2025 bất chấp giá bán bình quân giảm.

Tỷ suất LNTT suy giảm do trích lập dự phòng nợ khó đòi

Tuy nhiên, chi phí bán hàng & quản lý trong Q4/2025 tăng gấp đôi so với cùng kỳ và tăng 45% so với quý trước lên 161 tỷ đồng chủ yếu do trích lập dự phòng các khoản phải thu xuất khẩu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Cụ thể, HSC ước tính DRC đã trích lập dự phòng 56 tỷ đồng cho hai khách hàng tại Brazil là Oceanside One Trading LLC và Dforce Tires & Wheels LLC. Do đó, tỷ suất LNTT giảm 2,3 điểm phần trăm xuống 4,3% trong Q4/2025 (nhưng tăng nhẹ 0,2 điểm phần trăm so với quý trước).

Chúng tôi lưu ý rằng tổng giá trị các khoản phải thu từ hai khách hàng tại Brazil lên tới 588 tỷ đồng, chiếm 57% tổng các khoản phải thu ngắn hạn. Điều này làm gia tăng rủi ro KQKD thực hiện giảm so với dự báo, khi việc trích lập dự phòng bổ sung có thể tiếp tục gây áp lực lên lợi nhuận năm 2026 của DRC.

Mục tiêu Q1/2026: LNTT tăng 120% so với cùng kỳ trên mức nền thấp

DRC đặt mục tiêu LNTT Q1/2026 đạt 24 tỷ đồng (tăng 120% so với cùng kỳ nhưng giảm 54% so với quý trước) trên doanh thu thuần 1.180 tỷ đồng (đi ngang so với cùng kỳ nhưng giảm 3% so với quý trước). BLĐ vẫn giữ quan điểm thận trọng đối với triển vọng xuất khẩu trong năm 2026 do những khó khăn tại cả thị trường Mỹ và Brazil. Nếu DRC hoàn thành mục tiêu này, kết quả trên chỉ tương đương 16% dự báo lợi nhuận thuần năm 2026 của HSC và thấp hơn kỳ vọng.

Duy trì khuyến nghị Nắm giữ và xem xét lại dự báo

Với KQKD Q4/2025 và mục tiêu Q1/2026 thấp hơn kỳ vọng, HSC đang xem xét lại các dự báo đối với DRC.

Sau khi giá cổ phiếu tăng 7% trong 1 tháng qua và kém hơn VN Index 2% do KQKD suy yếu, DRC đang giao dịch ở mức định giá hợp lý, với P/E trượt dợt phóng 1 năm là 14,0 lần, so với bình quân quá khứ ở mức 14,8 lần. HSC duy trì khuyến nghị Nắm giữ với giá mục tiêu 16.000đ.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu Q4/2025, DRC

Doanh thu của các dòng sản phẩm chính đều tăng trưởng mạnh trong Q4/2025

Tỷ đồng	Q4/24	Q3/25	Q4/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	2024	2025	Tăng trưởng
Tổng doanh thu	1,118	1,234	1,213	8.5%	-1.8%	4,673	5,004	7.1%
TBR	618	716	685	10.8%	-4.4%	2,808	2,979	6.1%
PCR	23	57	50	116.8%	-12.7%	175	249	42.2%
Lốp Bias	269	270	275	2.1%	1.7%	898	1,008	12.2%
Lốp xe máy	96	69	80	-16.6%	17.2%	370	297	-19.7%
Lốp xe đạp	61	72	68	10.7%	-5.9%	249	272	9.1%
% tỷ trọng								
TBR	55.3%	58.0%	56.5%			60.1%	59.5%	
PCR	2.1%	4.6%	4.1%			3.8%	5.0%	
Lốp Bias	24.1%	21.9%	22.7%			19.2%	20.2%	
Lốp xe máy	8.6%	5.6%	6.6%			7.9%	5.9%	
Lốp xe đạp	5.5%	5.8%	5.6%			5.3%	5.4%	

Nguồn: DRC, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	4,495	4,673	4,984	5,462	5,893
Lợi nhuận gộp	649	729	649	779	847
Chi phí BH&QL	(340)	(443)	(463)	(494)	(533)
Thu nhập khác	0.30	0.26	0	0	0
Chi phí khác	0.20	(1.79)	0	0	0
EBIT	309	285	186	285	314
Lãi vay thuần	(2.01)	3.69	(26.4)	(46.4)	(46.5)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	307	289	159	238	267
Chi phí thuế TNDN	(60.7)	(57.4)	(31.9)	(47.7)	(53.5)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	247	232	127	191	214
Lợi nhuận thuần ĐC	222	208	115	172	192
EBITDA ĐC	395	285	310	414	446
EPS (đồng)	1,598	1,500	826	1,234	1,385
EPS ĐC (đồng)	1,438	1,350	743	1,111	1,246
DPS (đồng)	1,200	1,500	0	500	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	154	154	154	154	154
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	154	154	154	154	154
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	154	154	154	154	154

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	321	221	489	531	553
Đầu tư ngắn hạn	134	45.0	74.8	109	118
Phải thu khách hàng	456	697	632	666	689
Hàng tồn kho	1,185	1,491	1,495	1,638	1,768
Các tài sản ngắn hạn khác	196	341	249	273	295
Tổng tài sản ngắn hạn	2,291	2,794	2,940	3,217	3,422
TSCĐ hữu hình	938	1,212	1,186	1,112	1,039
TSCĐ vô hình	1.32	0.79	0.26	(0.41)	(1.08)
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	129	132	132	132	132
Đầu tư vào Cty LD,LK	4.68	5.12	5.12	5.12	5.12
Tài sản dài hạn khác	42.8	56.1	50.2	55.0	59.3
Tổng tài sản dài hạn	1,115	1,406	1,373	1,304	1,235
Tổng cộng tài sản	3,407	4,200	4,314	4,520	4,657
Nợ ngắn hạn	565	826	881	911	924
Phải trả người bán	558	946	867	913	959
Nợ ngắn hạn khác	268	264	263	282	299
Tổng nợ ngắn hạn	1,529	2,139	2,127	2,233	2,319
Nợ dài hạn	24.9	133	131	119	110
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	12.8	12.8	12.8	12.8
Tổng nợ dài hạn	24.9	146	144	131	122
Tổng nợ phải trả	1,554	2,285	2,271	2,364	2,441
Vốn chủ sở hữu	1,852	1,915	2,043	2,156	2,216
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.35	0.26	0.26	0.26	0.26
Tổng vốn chủ sở hữu	1,853	1,915	2,043	2,156	2,216
Tổng nợ phải trả và VCSH	3,407	4,200	4,314	4,520	4,657
BVPS (đ)	11,995	12,402	13,227	13,962	14,347
Nợ thuần*/(tiền mặt)	269	738	523	499	481

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	309	285	186	285	314
Khấu hao	(85.2)	0	(124)	(129)	(132)
Lãi vay thuần	(2.01)	3.69	(26.4)	(46.4)	(46.5)
Thuế TNDN đã nộp	(60.7)	0	(31.9)	(47.7)	(53.5)
Thay đổi vốn lưu động	413	0	(18.7)	(130)	(107)
Khác	63.5	0	73.5	(28.6)	(3.04)
LCT thuần từ HKKD	426	(108)	307	161	236
Đầu tư TS dài hạn	-	-	-	-	-
Góp vốn & đầu tư	(124)	(482)	(97.3)	(54.6)	(58.9)
Thanh lý	0	234	0	0	0
Khác	0.74	(3.35)	5.84	(4.78)	(4.32)
LCT thuần từ HĐĐT	6.67	(238)	(91.5)	(59.4)	(63.3)
Cổ tức trả cho CSH	(185)	(143)	0	(77.2)	(154)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(97.3)	375	53.3	17.3	4.11
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(271)	231	53.3	(59.9)	(150)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	155	321	221	489	531
LCT thuần trong kỳ	162	(115)	268	41.4	22.2
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.71	15.3	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	321	221	489	531	553
Dòng tiền tự do	426	(108)	307	161	236

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	14.4	15.6	13.0	14.3	14.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.78	6.11	6.22	7.58	7.56
Tỷ suất LNT (%)	5.49	4.96	2.56	3.49	3.63
Thuế TNDN hiện hành (%)	19.8	19.9	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(8.24)	3.96	6.65	9.59	7.91
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(5.31)	(27.7)	8.69	33.4	7.73
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(20.0)	(6.13)	(45.0)	49.5	12.2
Tăng trưởng EPS (%)	(20.0)	(6.13)	(45.0)	49.5	12.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(20.0)	(6.13)	(45.0)	49.5	12.2
Tăng trưởng DPS (%)	(33.3)	25.0	(100)	nm	100
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	75.1	100	0	40.5	72.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	13.1	12.3	6.44	9.08	9.79
ROACE (%)	16.3	14.5	8.75	12.7	13.6
Vòng quay tài sản (lần)	1.32	1.23	1.17	1.24	1.28
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.38	(0.38)	1.65	0.56	0.75
Số ngày tồn kho	112	138	126	128	128
Số ngày phải thu	43.2	64.5	53.2	51.9	49.8
Số ngày phải trả	52.9	87.6	73.0	71.2	69.3
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	20.6	43.2	30.5	28.2	27.0
Nợ/tài sản (%)	20.6	24.9	25.8	25.2	24.7
EBIT/lãi vay (lần)	154	N/a	7.03	6.14	6.75
Nợ/EBITDA (lần)	1.78	3.67	3.59	2.75	2.58
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.50	1.31	1.38	1.44	1.48
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.60	0.68	0.59	0.54	0.50
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.86	11.1	9.56	7.10	6.55
P/E (lần)	9.89	10.5	19.1	12.8	11.4
P/E ĐC (lần)	11.0	11.7	21.3	14.2	12.7
P/B (lần)	1.32	1.27	1.19	1.13	1.10
Lợi suất cổ tức (%)	7.59	9.49	0	3.16	6.33

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn